

Số: 1152/TB-LTT-KHTC Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2017

THÔNG BÁO

**Về việc chậm nộp học phí học kỳ 1 năm học 2017 - 2018
của Học sinh – Sinh viên khoa Công nghệ Điện – Điện tử**

Căn cứ thông báo số 451/TB-LTT-KHTC ngày 26 tháng 05 năm 2017 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc thu học phí học kỳ 1 năm học 2017 – 2018, ngày hết hạn thu học phí là ngày 15/10/2017,

Tuy nhiên, theo báo cáo của phòng Kế hoạch – Tài chính, đến nay tại khoa Công nghệ Điện – Điện tử thì vẫn còn một số Học sinh – Sinh viên (HS – SV) còn nợ học phí và các khoản thu khác trong học kỳ 1 năm học 2017 – 2018 (tính đến hết ngày 08/11/2017), chi tiết như sau:

STT	Khoa	Số HS - SV còn nợ học phí + thu khác		Ghi chú
		Số lượng	Tỷ lệ	
1	Khoa Công nghệ Điện – Điện tử	246	26%	

Để cho HS - SV không bị cấm thi giữa và cuối kỳ học kỳ 1 năm học 2017 – 2018 và kịp thời mua Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm tai nạn cho HS – SV.

Đề nghị phòng Công tác chính trị - Học sinh Sinh viên, Trưởng khoa, Giáo viên chủ nhiệm, Cố vấn học tập hỗ trợ việc thông báo và nhắc nhở HS – SV còn chưa nộp học phí và các khoản thu khác (*kèm theo danh sách*) nhanh chóng đến nộp học phí tại phòng Kế hoạch - Tài chính. **Hạn chót ngày 20/11/2017.** Sau ngày 20/11/2017, Trưởng khoa có trách nhiệm báo cáo Hiệu trưởng về tình hình đóng học phí và các khoản thu khác của HS – SV khoa mình.

Nơi nhận:

- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, P.KH - TC



Phạm Hữu Lộc

**DANH SÁCH HS - SV CHƯA ĐÓNG HỌC PHÍ HỌC KỲ 1
NĂM HỌC 2017 - 2018**

(KHOA CÔNG NGHỆ ĐIỆN - ĐIỆN TỬ)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	LỚP
1	15001289	Lê Văn Phi	14/02/1996	15CĐ-ĐCN1
2	15000776	Lục Văn Nhựt	21/08/1995	15CĐ-ĐCN1
3	15002370	Nguyễn Đức Khánh	26/04/1997	15CĐ-ĐCN1
4	15001512	Nguyễn Minh Đạt	10/12/1997	15CĐ-ĐCN1
5	15001314	Nguyễn Ngọc Phương	07/05/1997	15CĐ-ĐCN1
6	15000675	Phạm Văn Hồng	06/09/1997	15CĐ-ĐCN1
7	15001357	Phạm Xuân Hào	07/09/1997	15CĐ-ĐCN1
8	15000663	Trần Phi Long	09/03/1997	15CĐ-ĐCN1
9	15003078	Văn Tuấn Cường	13/01/1997	15CĐ-ĐCN1
10	15001420	Võ Hữu Ngọc	08/02/1997	15CĐ-ĐCN1
11	15002973	Hoàng Phan Thanh Tiến	10/05/1997	15CĐ-ĐCN2
12	15002930	Huỳnh Đức Hiếu	02/09/1997	15CĐ-ĐCN2
13	15000847	Huỳnh Minh Bảo	02/09/1995	15CĐ-ĐCN2
14	15002828	Huỳnh Xuân Hùng	13/09/1996	15CĐ-ĐCN2
15	15002881	Kim Ngọc Xi Đene	09/02/1996	15CĐ-ĐCN2
16	15002811	Mai Văn Thành	08/12/1997	15CĐ-ĐCN2
17	15000989	Nguyễn Hoàng Nam	20/09/1997	15CĐ-ĐCN2
18	15002843	Nguyễn Hữu Tài	19/12/1997	15CĐ-ĐCN2
19	15002916	Nguyễn Ngô Hoàng Sang	22/08/1997	15CĐ-ĐCN2
20	15000838	Nguyễn Phước Lộc	03/02/1995	15CĐ-ĐCN2
21	15000918	Nguyễn Quốc Việt	10/07/1997	15CĐ-ĐCN2
22	15003195	Nguyễn Văn Cường	26/06/1997	15CĐ-ĐCN2
23	15002959	Nguyễn Xuân Thịnh	12/12/1997	15CĐ-ĐCN2
24	15000980	Phạm Hữu Trung	18/12/1996	15CĐ-ĐCN2
25	15002894	Phạm Minh Đây	16/10/1996	15CĐ-ĐCN2
26	15002882	Trần Thế Bảo	20/03/1997	15CĐ-ĐCN2
27	15002823	Võ Lý Khánh Long	07/04/1997	15CĐ-ĐCN2
28	15003087	Đặng Nhật Nam	21/10/1997	15CĐ-ĐCN3
29	15001346	Huỳnh Văn Vin	02/01/1997	15CĐ-ĐCN3
30	15001273	Lê Tấn Phú	12/03/1997	15CĐ-ĐCN3
31	15002103	Nguyễn Đức Huy	10/12/1996	15CĐ-ĐCN3
32	15002010	Nguyễn Hữu Tài	28/01/1997	15CĐ-ĐCN3
33	15002182	Nguyễn Minh Thông	25/08/1997	15CĐ-ĐCN3
34	15002043	Nguyễn Ngọc Nguyễn	17/05/1995	15CĐ-ĐCN3
35	15003111	Nguyễn Quang Trường	23/07/1997	15CĐ-ĐCN3
36	15001229	Nguyễn Quốc Thiện	06/04/1997	15CĐ-ĐCN3

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	LỚP
37	15001813	Nguyễn Thế Anh	10/11/1996	15CĐ-ĐCN3
38	15002064	Nguyễn Văn Dao	08/08/1997	15CĐ-ĐCN3
39	15001671	Nguyễn Văn Nguyên	01/01/1996	15CĐ-ĐCN3
40	15001704	Nguyễn Vinh	01/04/1997	15CĐ-ĐCN3
41	15002046	Phạm Minh Luân	17/11/1996	15CĐ-ĐCN3
42	15003117	Quảng Thanh Hà	09/04/1997	15CĐ-ĐCN3
43	15001843	Trần Đình Kiên	27/09/1997	15CĐ-ĐCN3
44	15001689	Trương Tấn Lộc	03/02/1997	15CĐ-ĐCN3
45	15002308	Chiêm Ân Hiền	01/08/1997	15CĐ-ĐCN4
46	15002786	Đặng Trung Tín	10/10/1997	15CĐ-ĐCN4
47	15002666	Huỳnh Công Thạch	13/10/1997	15CĐ-ĐCN4
48	15002774	Huỳnh Ngọc Nhân	24/04/1997	15CĐ-ĐCN4
49	15002757	Huỳnh Thanh Hậu	18/09/1997	15CĐ-ĐCN4
50	15002608	Mai Trọng Quý	27/11/1997	15CĐ-ĐCN4
51	15002671	Ngô Văn Bình	06/03/1997	15CĐ-ĐCN4
52	15003315	Nguyễn Đăng Bình	10/04/1997	15CĐ-ĐCN4
53	15002488	Nguyễn Đình Công	01/02/1996	15CĐ-ĐCN4
54	15002423	Nguyễn Phúc Hậu	17/04/1997	15CĐ-ĐCN4
55	15002727	Nguyễn Trần Thanh Nhân	01/01/1997	15CĐ-ĐCN4
56	15002639	Nguyễn Văn Dương	20/09/1997	15CĐ-ĐCN4
57	15002762	Nguyễn Văn Long	15/04/1996	15CĐ-ĐCN4
58	15002481	Nguyễn Văn Phước Lộc	29/12/1996	15CĐ-ĐCN4
59	15002686	Trần Quốc Hoàng	29/10/1997	15CĐ-ĐCN4
60	15003362	Trần Văn Hy	28/11/1997	15CĐ-ĐCN4
61	15003297	Trần Văn Lộc	01/02/1997	15CĐ-ĐCN4
62	15002717	Trương Doãn Lương	20/02/1997	15CĐ-ĐCN4
63	15002539	Võ Thành Nhân	20/07/1997	15CĐ-ĐCN4
64	15002342	Võ Trường Danh	06/05/1992	15CĐ-ĐCN4
65	15003283	Võ Văn Lâm	04/11/1996	15CĐ-ĐCN4
66	15002571	Vũ Xuân Khang	21/12/1997	15CĐ-ĐCN4
67	15000499	Đặng Văn Tường	20/01/1996	15CĐ-ĐTCN1
68	15001708	Đậu Ngọc Thành	10/02/1996	15CĐ-ĐTCN1
69	15001772	Đỗ Thiện Toàn	28/03/1997	15CĐ-ĐTCN1
70	15001412	Dương Khánh Duy	28/06/1996	15CĐ-ĐTCN1
71	15002526	Hoàng Nhật Minh	02/05/1997	15CĐ-ĐTCN1
72	15001763	Huỳnh Duy Quốc	03/07/1997	15CĐ-ĐTCN1
73	15001690	Lê Công Chánh	24/05/1997	15CĐ-ĐTCN1
74	15003178	Nguyễn Đình Hợp	12/10/1996	15CĐ-ĐTCN1
75	15001760	Nguyễn Hoài Xuân	14/01/1992	15CĐ-ĐTCN1
76	15002857	Nguyễn Mậu Hoàng Phi	09/09/1997	15CĐ-ĐTCN1
77	15001644	Nguyễn Thành Đạt	14/04/1997	15CĐ-ĐTCN1
78	15003239	Nguyễn Văn Nhân	17/07/1997	15CĐ-ĐTCN1
79	15002327	Nguyễn Văn Rõ	19/12/1997	15CĐ-ĐTCN1

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	LỚP
80	15002032	Phạm Thanh Hiếu	18/09/1997	15CĐ-ĐTCN1
81	15001643	Phan Duy Lân	18/02/1997	15CĐ-ĐTCN1
82	15002397	Phan Quốc Cường	16/07/1997	15CĐ-ĐTCN1
83	15001861	Tạ Ngọc Linh	25/11/1997	15CĐ-ĐTCN1
84	15002105	Trần Phùng Trung	31/08/1997	15CĐ-ĐTCN1
85	15001868	Trương Lê Quốc Trọng	21/01/1994	15CĐ-ĐTCN1
86	15003236	Võ Minh Hậu	27/06/1996	15CĐ-ĐTCN1
87	15002958	Vũ Nhật Nam	17/01/1997	15CĐ-ĐTCN1
88	15002405	Cao Viết Thắng	30/10/1997	15CĐ-TĐH1
89	15002945	Châu Lê Nhật Trường	18/6/1997	15CĐ-TĐH1
90	15001801	Hồ Ngọc Lênh	12/09/1997	15CĐ-TĐH1
91	15002579	Huỳnh Đăng Khoa	18/11/1996	15CĐ-TĐH1
92	15002763	Huỳnh Minh Tài	25/09/1995	15CĐ-TĐH1
93	15003112	Huỳnh Nhật Tiến	26/02/1997	15CĐ-TĐH1
94	15002384	Lê Đăng Tiến	17/07/1997	15CĐ-TĐH1
95	15002288	Mai Hoàng Xuân Lâm	11/02/1996	15CĐ-TĐH1
96	15002888	Nguyễn Hữu Đạt	29/07/1997	15CĐ-TĐH1
97	15003125	Nguyễn Phú Quý	08/11/1997	15CĐ-TĐH1
98	15001733	Phạm Văn Cương	02/02/1996	15CĐ-TĐH1
99	15003016	Phan Huy Hoàng	28/05/1994	15CĐ-TĐH1
100	15003015	Trần Văn Đạt	10/06/1997	15CĐ-TĐH1
101	15002301	Trương Hoàng Vĩ	20/11/1997	15CĐ-TĐH1
102	15002759	Võ Xuân Tha	06/07/1993	15CĐ-TĐH1
103	15002628	Vũ Hữu Sơn	13/04/1997	15CĐ-TĐH1
104	15000386	Nguyễn Hùng Dũng	06/05/2000	15TC-Đ
105	15000273	Trương Quang Huy	11/06/2000	15TC-Đ
106	15000061	Vũ Quý Bảo	16/12/1999	15TCN-Đ
107	16002615	Đặng Hữu Dương	21/03/1998	16CĐ-ĐCN1
108	16002466	Hoàng Trọng Sơn	15/08/1995	16CĐ-ĐCN1
109	16002385	Huỳnh Tấn Chánh	01/01/1998	16CĐ-ĐCN1
110	16001071	Lê Văn Tuấn	10/03/1997	16CĐ-ĐCN1
111	16002613	Nguyễn Minh Cường	01/01/1998	16CĐ-ĐCN1
112	16002416	Nguyễn Trường Giang	21/09/1997	16CĐ-ĐCN1
113	16001104	Nguyễn Tuấn Kiệt	23/04/1997	16CĐ-ĐCN1
114	16002636	Nguyễn Văn Tuấn	22/05/1998	16CĐ-ĐCN1
115	16002419	Nguyễn Văn Vũ	10/11/1998	16CĐ-ĐCN1
116	16002549	Phương Thế Anh	07/07/1998	16CĐ-ĐCN1
117	16002782	Lương Hoài Nam	03/12/1998	16CĐ-ĐCN2
118	16000731	Nguyễn Duy Thắng	22/09/1997	16CĐ-ĐCN2
119	16002750	Nguyễn Tấn Tuấn Vũ	16/12/1997	16CĐ-ĐCN2
120	16002830	Phạm Trí Nhân	19/05/1998	16CĐ-ĐCN2
121	16003047	Phan Minh Triều	06/05/1997	16CĐ-ĐCN2
122	16002823	Trần Nguyễn Thành Đạt	23/09/1998	16CĐ-ĐCN2



STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	LỚP
123	16002752	Trần Phú Nam	16/08/1998	16CĐ-ĐCN2
124	16003062	Trần Quốc Thái	12/11/1997	16CĐ-ĐCN2
125	16002016	Trần Văn Trọng	09/09/1998	16CĐ-ĐCN2
126	16002934	Trần Xuân Minh	15/06/1998	16CĐ-ĐCN2
127	16003122	Võ Ngọc Hoàng Vũ	27/05/1998	16CĐ-ĐCN2
128	16003212	Võ Quốc Thịnh	03/06/1998	16CĐ-ĐCN2
129	16002703	Võ Tấn Huy	10/10/1997	16CĐ-ĐCN2
130	16001776	Vũ Thắng	28/10/1997	16CĐ-ĐCN2
131	16002624	Đào Văn Bắc	05/09/1995	16CĐ-ĐCN3
132	16002606	Lê Duy Khánh	13/09/1997	16CĐ-ĐCN3
133	16003374	Nguyễn Doãn Khương	08/11/1997	16CĐ-ĐCN3
134	16003763	Nguyễn Phúc Hậu	11/06/1998	16CĐ-ĐCN3
135	16003571	Nguyễn Thái Duy	05/02/1998	16CĐ-ĐCN3
136	16003460	Nguyễn Thanh Tâm	01/05/1997	16CĐ-ĐCN3
137	16002403	Nguyễn Trọng Sang	19/04/1998	16CĐ-ĐCN3
138	16003704	Nguyễn Văn Thuận	25/02/1997	16CĐ-ĐCN3
139	16002673	Phạm Hoàng Tuấn	18/11/1996	16CĐ-ĐCN3
140	16003736	Trần Thanh Hà	20/03/1993	16CĐ-ĐCN3
141	16003300	Trần Trọng Nghĩa	19/10/1997	16CĐ-ĐCN3
142	16003312	Trịnh Hồng Ân	02/09/1996	16CĐ-ĐCN3
143	16003558	Trương Quang Trung	28/09/1991	16CĐ-ĐCN3
144	16003251	Võ Văn Trung Nguyên	20/10/1998	16CĐ-ĐCN3
145	16003484	Vòng Nguyệt Minh	25/10/1995	16CĐ-ĐCN3
146	16002665	Đạo Bảo Công Tín	25/10/1996	16CĐ-ĐCN4
147	16002932	Hồ Tấn Phát	06/11/1998	16CĐ-ĐCN4
148	16002850	Huỳnh Minh Thuận	26/11/1998	16CĐ-ĐCN4
149	16002740	Liêu Anh Tiến	25/12/1998	16CĐ-ĐCN4
150	16001603	Lý Thành Đạt	11/05/1997	16CĐ-ĐCN4
151	16001304	Mai Văn Cường	28/10/1998	16CĐ-ĐCN4
152	16001588	Nguyễn Công Tín	20/02/1998	16CĐ-ĐCN4
153	16002709	Nguyễn Hoàng Minh Tân	22/11/1993	16CĐ-ĐCN4
154	16001565	Nguyễn Kim Nguyên	08/04/1998	16CĐ-ĐCN4
155	16001417	Nguyễn Ngọc Thuận	02/11/1998	16CĐ-ĐCN4
156	16002832	Phạm Quang Phương	01/01/1994	16CĐ-ĐCN4
157	16002828	Phạm Văn Thái	02/07/1997	16CĐ-ĐCN4
158	16003756	Tô Phương Trung	14/02/1998	16CĐ-ĐCN4
159	16002974	Du Quốc Bảo	01/10/1998	16CĐ-ĐCN5
160	16002122	Lăng Hoàng Thiện	08/07/1998	16CĐ-ĐCN5
161	16002377	Lê Quang Tuấn	16/01/1997	16CĐ-ĐCN5
162	16002962	Lê Thiên Hoàng	15/05/1996	16CĐ-ĐCN5
163	16002586	Nguyễn Lê Quốc Thắng	22/11/1998	16CĐ-ĐCN5
164	16002244	Nguyễn Trần Vĩnh Phước	21/08/1996	16CĐ-ĐCN5
165	16002310	Nguyễn Văn Bình	18/12/1998	16CĐ-ĐCN5

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	LỚP
166	16002374	Trần Văn Quốc	04/09/1996	16CD-ĐCN5
167	16002355	Vương Đình Quốc Khải	27/12/1998	16CD-ĐCN5
168	16003121	Bùi Hoàng Sơn	24/09/1998	16CD-ĐTCN1
169	16001102	Bùi Nhật Minh	02/11/1996	16CD-ĐTCN1
170	16003588	Đặng Hoàng Vũ	30/06/1997	16CD-ĐTCN1
171	16003397	Đặng Ngọc Nhựt	17/12/1997	16CD-ĐTCN1
172	16003559	Đỗ Hồng Quân	11/02/1998	16CD-ĐTCN1
173	16001204	Dương Thanh Sơn	19/07/1998	16CD-ĐTCN1
174	16003753	Huỳnh Trọng Tuệ	23/01/1997	16CD-ĐTCN1
175	16001145	Lê Hải Đăng	05/10/1998	16CD-ĐTCN1
176	16002674	Ngô Hữu Tuấn	27/12/1998	16CD-ĐTCN1
177	16002829	Nguyễn Công Thành	27/05/1998	16CD-ĐTCN1
178	16003444	Nguyễn Quang Thuận	29/04/1998	16CD-ĐTCN1
179	16003567	Nguyễn Quốc Thịnh	19/10/1996	16CD-ĐTCN1
180	16003255	Nguyễn Thanh Văn	12/01/1998	16CD-ĐTCN1
181	16003356	Nguyễn Tiến Quân	26/04/1998	16CD-ĐTCN1
182	16001708	Phan Thanh Nhân	14/11/1997	16CD-ĐTCN1
183	16002051	Phan Vĩnh Đạt	04/01/1998	16CD-ĐTCN1
184	16002120	Phùng Gia Huy	03/11/1998	16CD-ĐTCN1
185	16003341	Trần Chí Tài	20/05/1994	16CD-ĐTCN1
186	16002794	Trần Kim Phát	16/06/1998	16CD-ĐTCN1
187	16002560	Trần Minh Phúc	31/01/1998	16CD-ĐTCN1
188	16000632	Trần Văn Tùng	20/05/1994	16CD-ĐTCN1
189	16003102	Võ Đại Thành	01/08/1998	16CD-ĐTCN1
190	16003925	Đặng Trọng Nghĩa	06/11/1996	16CD-LTĐ
191	16003959	Lê Đình Hòa	03/7/1993	16CD-LTĐ
192	16003913	Lê Lợi	25/9/1994	16CD-LTĐ
193	16003929	Nguyễn Duy Tú	31/3/1991	16CD-LTĐ
194	16003957	Nguyễn Khắc Bình	16/3/1993	16CD-LTĐ
195	16003955	Nông Thi Hùng	02/7/1988	16CD-LTĐ
196	16003916	Phạm Trần Hiền	02/9/1994	16CD-LTĐ
197	16003960	Phạm Văn Duy	25/4/1992	16CD-LTĐ
198	16002661	Bùi Đức Huy	02/07/1998	16CD-TĐH1
199	16001724	Giang Duy Cẩm	14/02/1998	16CD-TĐH1
200	16001917	Huỳnh Kim Sang	09/04/1998	16CD-TĐH1
201	16002880	Nguyễn Danh Quyền	14/08/1998	16CD-TĐH1
202	16003285	Nguyễn Duy Hưng	17/09/1998	16CD-TĐH1
203	16001902	Nguyễn Ngọc Thịnh	10/12/1998	16CD-TĐH1
204	16002365	Nguyễn Quang Minh	13/12/1998	16CD-TĐH1
205	16003790	Nguyễn Thành Tín	12/03/1998	16CD-TĐH1
206	16001929	Nguyễn Thanh Tùng	10/09/1998	16CD-TĐH1
207	16001562	Nguyễn Văn Phúc	22/12/1996	16CD-TĐH1
208	16003832	Phạm Nguyễn Hoài Thương	24/02/1998	16CD-TĐH1

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	LỚP
209	16002864	Phan Duy Thịnh	18/05/1995	16CD-TĐH1
210	16003276	Phan Ngọc Nguyên	13/04/1998	16CD-TĐH1
211	16001859	Tăng Thành Phúc	11/12/1998	16CD-TĐH1
212	16001846	Tô Gia Bảo	13/03/1998	16CD-TĐH1
213	16001530	Trần Đông Phong	16/07/1998	16CD-TĐH1
214	16001964	Trịnh Nguyên Hoàng	04/08/1994	16CD-TĐH1
215	16002282	Vũ Hoài Ân	03/01/1998	16CD-TĐH1
216	16000255	Đình Hoàng Phúc	30/07/2001	16TCN-Đ
217	16000643	Lâm Phát Tài	19/05/2000	16TCN-Đ
218	16002209	Lê Nguyễn Đông Vũ	08/11/1997	16TCN-Đ
219	16000256	Nguyễn Văn Tài Linh	24/07/2000	16TCN-Đ
220	15000394	Trần Như Hào	29/01/2000	16TCN-Đ
221	16000080	Bùi Quang Cường	07/09/2001	16TCN-ĐT
222	16000435	Đình Minh Thuận	28/08/2001	16TCN-ĐT
223	16000653	Hồ Minh Phong	28/07/2000	16TCN-ĐT
224	16000646	Hoàng Quang Việt	22/07/2001	16TCN-ĐT
225	16000492	Hoàng Vũ Nhật Tân	08/02/2001	16TCN-ĐT
226	16000561	Huỳnh Văn Tuấn Kiệt	01/04/2001	16TCN-ĐT
227	16000481	Huỳnh Vũ Đăng Thiên	24/06/2000	16TCN-ĐT
228	16000580	Lê Hoàn Huy	31/10/1999	16TCN-ĐT
229	16000348	Mai Hoàng Anh	02/12/2001	16TCN-ĐT
230	16000167	Nguyễn Công Danh	05/10/2000	16TCN-ĐT
231	16000148	Nguyễn Gia Thái	08/02/2001	16TCN-ĐT
232	16000709	Nguyễn Minh Thành	05/10/2001	16TCN-ĐT
233	16003858	Nguyễn Xuân Tài	23/08/2000	16TCN-ĐT
234	16000134	Phan Khánh Khải	09/05/2001	16TCN-ĐT
235	16001118	Trần Minh Hải	27/10/2001	16TCN-ĐT
236	16000618	Trần Vĩ Khang	20/03/2001	16TCN-ĐT
237	16000135	Võ Thành Đạt	23/10/2001	16TCN-ĐT
238	16003252	Đỗ Văn Hà	21/04/1996	16TCT-Đ
239	16001877	Nguyễn Hoàng Hải	28/10/1998	16TCT-Đ
240	16001799	Nguyễn Ngọc Thành	18/11/1998	16TCT-Đ
241	16002984	Nguyễn Thanh Tâm	21/09/1998	16TCT-Đ
242	16002211	Nguyễn Văn Quốc Hoàng	27/08/1998	16TCT-Đ
243	16002108	Trần Đoàn Quang Huy	01/01/1997	16TCT-Đ
244	16003184	Trần Nhật Duy	16/12/1998	16TCT-Đ
245	16003453	Vì Đình Khải	23/03/1997	16TCT-Đ
246	16003330	Võ Hoàng Luân	21/09/1995	16TCT-Đ

Tổng cộng: 246 HS - SV

NGƯỜI LẬP BẢNG

Trần Thị Thảo Vân

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

Nguyễn Kinh

Ngày 10 tháng 11 năm 2017

THỦ TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc